

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **243/2019/HS-ST**
Ngày: 18-11-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Hùng Dương;

2/ Ông Phạm Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 201/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đình C**, sinh năm 1994 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình T và bà Ngô Thị T; có vợ Lê Thị L và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/6/2019 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ X, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đinh Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số XY đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Ông Đậu Ngọc X, sinh năm 2000. Địa chỉ: Khu X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T1. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đình C và anh Lê Ngọc H có mối quan hệ là bạn bè và sinh sống chung tại phòng trọ thuộc nhà trọ số XY, đường P, khu X, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 15/6/2019, anh H và những người bạn tên T1, T2, T3 (hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch cụ thể) rủ C đến quán Karaoke XYZ tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương để hát karaoke và uống bia. Trước khi đi, C nói: “Em hết tiền rồi, không đi đâu” thì anh H nói: “Mày cứ đi, anh lo cho” nên C đồng ý đi cùng. Sau đó, anh H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 61B2-075.XY chở C, anh T3 điều khiển xe chạy một mình, còn anh T2 đi chung với anh T1 đến quán XYZ. Tại đây, cả nhóm ngồi hát và uống bia đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì cả nhóm tính tiền ra về. Khi tính tiền, nhân viên quán đưa hóa đơn tính tiền là 2.400.000 đồng và cả nhóm thống nhất mỗi người hùn 500.000 đồng để trả. T2, T1, T3 bỏ ra mỗi người 500.000 đồng đưa cho C để thanh toán tiền nhưng do số tiền này không đủ để trả nên C kêu anh H đưa 1.000.000 đồng thì anh H không đồng ý đưa tiền nên giữa C và anh H xảy ra mâu thuẫn lời qua tiếng lại với nhau. Sau đó, anh H giao chìa khóa xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 61B2-075.XY của anh H cho anh T1 rồi bỏ đi ra phía trước cửa quán ngồi lên xe để T2 chở đi.

Khi thấy anh Lê Ngọc H đi rồi thì anh Nguyễn Văn T1 đến gặp Lê Đình C hỏi: “Mày giờ có xe về không?”, Lê Đình C nói: “Nãy anh H chở em đi mà về rồi nên em không có xe”. Nghe C nói không có xe về nên anh T1 đưa chìa khóa xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 61B2-075.XY của anh H cho C kêu chạy xe về phòng trọ cất cho anh H thì C đồng ý. Do không có đủ tiền để thanh toán nên C bị nhân viên của quán karaoke XYZ giữ lại cho đến khoảng 02 giờ ngày 16/6/2019 đã đồng ý cho C thế chấp 01 điện thoại di động hiệu Nokia để về nhà lấy tiền đến thanh toán và chuộc điện thoại lại. Sau đó, C đi ra chỗ giữ xe và lấy xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 61B2-075.XY chạy về phòng trọ của anh H. Khi về đến phòng trọ, C thấy không có anh H và cửa phòng trọ khóa ngoài nên C dựng xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 61B2-075.XY ở trước cửa phòng trọ rồi mở cửa phòng để đi vào bên trong. Lúc này, do C bức tức về việc anh H không trả tiền karaoke cho C nên đã nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của anh H, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3; 04 máy khoan vít cầm tay hiệu Maktre; 01 máy khoan bê tông hiệu Bosch qdh-224dre; 01 máy bắn laser hiệu Ahura màu xanh; 01 cuộn dây điện nguồn màu vàng dài 25 mét.

Sau đó, Lê Đình C lấy tất cả những Tài sản này bỏ vào một túi nhựa đem ra khỏi phòng trọ nhưng do C không có xe để đi nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt luôn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 61B2-075.XY. Lúc này, C bỏ túi nhựa có chứa những đồ vật đã lấy trộm của anh H lên бага xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 61B2-075.XY rồi điều khiển xe chạy về địa bàn quận B, thành phố Hồ Chí Minh vào quán nước ven đường

nằm ngủ. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, C thức dậy và điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 61B2-075.XY chạy vòng quanh khu vực phường B, quận B để xin việc làm nhưng không được. Sau đó, C điều khiển xe chạy về tiệm Internet (không rõ tên) ở phường B chơi. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, thông qua tổ giác của anh Lê Ngọc H và thông qua dữ liệu hành trình xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 61B2-075.XY, lực lượng Công an phường B phối hợp với Phòng PC02 – Công an thành phố Hồ Chí Minh đến tiệm Internet mời C về trụ sở làm việc. Tại Công an phường B, C đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên nên cùng ngày 16/6/2019, Phòng PC02 – Công an thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc, vật chứng và Lê Đình C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để xử lý theo thẩm quyền.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 200 ngày 19/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 61B2-075.XY, số khung 10110KY1229XY, số máy G3D4E8893XY, trị giá 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3, màu vàng, trị giá 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng); 04 máy khoan vít cầm tay hiệu Maktee, trị giá 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng); 01 máy khoan bê tông hiệu Bosch GHD-22DRE, trị giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); 01 máy bắn Lazser hiệu Akura màu xanh, trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); 01 cuộn dây điện vàng dài 25 mét, trị giá 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Tổng giá trị là 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm ngàn đồng).

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 61B2-075.XY, số khung 10110KY1229XY, số máy G3D4E8893XY, 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3, màu vàng; 04 máy khoan vít cầm tay hiệu Maktee; 01 máy khoan bê tông hiệu Bosch GHD-22DRE; 01 máy bắn Lazser hiệu Akura màu xanh; 01 cuộn dây điện vàng dài 25 mét ngày 20/6/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một đã tiến hành giao trả tài sản lại cho anh H theo Quyết định xử lý vật chứng số 91 ngày 19/9/2019. Hiện nay, anh Lê Ngọc H, anh Nguyễn Văn T1 không có ý kiến gì và không có yêu cầu đòi bồi thường đối với Lê Đình C.

Cáo trạng số 215/CT-VKS-HS ngày 23/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Lê Đình C về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là tù 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Không đề nghị giải quyết.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với Viện Kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 16/6/2019, tại nhà trọ số XY, đường P, khu X, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Lê Đình C đã có hành vi lén lút trộm cắp: 01 điện thoại di động hiệu Samsung J3, màu vàng, trị giá 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng); 04 máy khoan vít cầm tay hiệu Maktee, trị giá 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng); 01 máy khoan bê tông hiệu Bosch GHD-22DRE, trị giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); 01 máy bắn Lazser hiệu Akura màu xanh, trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); 01 cuộn dây điện vàng dài 25 mét, trị giá 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm ngàn đồng) của anh Lê Ngọc H và lợi dụng sự tin tưởng của anh Nguyễn Văn T1 về việc giao xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 61B2-075.XY, trị giá: 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) của anh H cho C làm phương tiện đi về phòng trọ và cất cho anh H nhưng C không thực hiện theo đúng giao kết với anh T1 mà chiếm đoạt để làm phương tiện đi lại. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt được thu hồi và giao trả cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi, hoàn trả cho các bị hại. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 326, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Đình C phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2/ Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Lê Đình C chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2019.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4/ Về biện pháp tư pháp: Không có.

5/ Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THA thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Châu Giang